Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Vật liệu

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Thái Minh Quân

2. Ngày tháng năm sinh: 25/09/1985; Nam ☑ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Sơn Bằng, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): căn hộ E2.11A.06 chung cư The Emerald, phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): căn hộ E2.11A.06 chung cư The Emerald, phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: ...; Điện thoại di động: 0815559669;

E-mail: minhquan.thai@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 01/03/2016 đến 30/12/2016: Giảng viên hợp đồng Bộ môn Vật liệu xây dựng, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 01/01/2017 đến 31/07/2017: Giảng viên tập sự Bộ môn Kỹ thuật, Khoa Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 01/8/2017 đến 31/01/2020: Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật, Khoa Đào tạo Quốc tế, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Từ 01/02/2020 đến nay: Giảng viên Bộ môn Vật liệu xây dựng, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải.

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Tổ trưởng công đoàn bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Vật liệu xây dựng, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải

Địa chỉ cơ quan: Số 03 Cầu Giấy, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 02437663311

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 06 năm 2008; số văn bằng: A0155690; ngành: Xây dựng cầu đường, chuyên ngành: Xây dựng cầu đường bộ;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 07 tháng 12 năm 2009; số văn bằng: MARLAVA 7461436; ngành: Cơ học và xây dựng dân dụng; chuyên ngành: Cơ học vật liệu và cơ học kết cấu; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Marne-la-Vallée, Cộng Hòa Pháp.

- Được cấp bằng TS ngày 29 tháng 04 năm 2013; số văn bằng: UPEST 10390052; ngành: kỹ thuật xây dựng dân dụng; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Paris – Est, Cộng Hòa Pháp.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ....; số văn bằng: .....; ngành: .....; chuyên ngành: .....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,

ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Xây dựng và phát triển các mô hình dự báo các ứng xử cơ lý của vật liệu nhiều thành phần.

Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng sử dụng nguồn vật liệu địa phương ứng dụng trong kết cấu công trình bền vững với các điều kiện môi trường khác nhau.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) : 03 (ba) HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 44 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản : 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: .....

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen hiệu trưởng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2019-2020 theo quyết định 1651/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/10/2020.
- Giấy khen hiệu trưởng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020-2021 theo quyết định 1901/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/10/2021.
- Giấy khen hiệu trưởng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021-2022 theo quyết định 2259/QĐ-ĐHGTVT ngày 21/11/2022.
- Giấy khen hiệu trưởng cho cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023 theo quyết định 2069/QĐ-ĐHGTVT ngày 19/09/2023.
- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2023-2024 theo quyết định 239/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/01/2025.
- Bằng khen Bộ trưởng Bộ GD&ĐT theo quyết định số 3507/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2020.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Có sức khỏe tốt đảm bảo các yêu cầu công việc.
- Có đạo đức tư tưởng tốt, tận tụy với sinh viên.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường, tuân thủ pháp luật của nhà nước.
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 07 năm 11 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	2	201	0	201/441,42/270
2	2020-2021	0	0	2	4	276	0	276/648,48/135
3	2021-2022	0	0	0	2	319,5	0	319,5/528,86/135
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	1	5	261	0	261/567,75/125
5	2023-2024	0	0	0	3	215	0	215/480,04/125
6	2024-2025	0	0	0	2	202	0	202/396,26/125

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2013.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp và Tiếng Anh .....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải (cho sinh viên lớp Cầu đường Pháp và sinh viên lớp Chương trình tiên tiến thuộc Khoa Đào tạo Quốc tế quản lý).

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Minh Châu		HVCH	X		2017-2019	Trường ĐH GTVT	QĐ số 1340/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/06/2019
2	Mai Văn Thắng		HVCH	X		2020-2022	Trường ĐH GTVT	QĐ số 1348/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/07/2022
3	Nguyễn Tuấn Anh		HVCH	X		2020-2023	Trường ĐH GTVT	QĐ số 1434/QĐ-ĐHGTVT ngày 26/06/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Sau khi được công nhận TS						
1	Môi trường & Các giải pháp kỹ thuật xây dựng bền vững	GT	Giao thông vận tải/2025	03	PGS.TS. Nguyễn Thanh Sang	Biên soạn chương 3, từ trang 88 -124. Tổng số trang 37/188	Giấy chứng nhận sử dụng sách phục vụ đào tạo của trường Đại học Giao thông vận tải ngày 20/06/2025

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],……

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến từ biến của bê tông xi măng bằng phương pháp mô phỏng đa tỷ lệ	CN	T2018-KDN-003, cấp cơ sở trường Đại học Giao thông vận tải	01/2018-12/2018	18/01/2019/Tốt
2	Tính toán từ biến của bê tông trong giai đoạn tuổi sớm bằng phương pháp mô phỏng đa cấp độ	CN	T2021-KDN-003, cấp cơ sở trường Đại học Giao thông vận tải	01/2021-12/2021	29/12/2021/Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận TS (01 bài báo)**							
1	Multiscale poro-creep model for cement-based materials https://doi.org/10.1002/nag.1080	04		International Journal for Numerical and Analytical Methods in Geomechanics ISSN: 0363-9061	SCIE (Q1) IF:1,55 (2012)	5	Tập 36, số 18, trang 1932-1953	12/2012
II	**Sau khi được công nhận TS (43 bài báo)**							
2	Coupled Creep and Damage Model for Concrete at Moderate Temperatures https://doi.org/10.1007/978-94-007-6878-9_26	03	X	Multi-Scale Modeling and Characterization of Infrastructure Materials: Proceedings of the International RILEM Symposium Stockholm, June 2013. ISBN: 978-94-007-6877-2	RILEM Bookseries Index in Scopus/ ISSN 2211-0844		Tập 8, trang 357-368	06/2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
3	Coupled damage and multiscale creep model applied to cementitious materials https://doi.org/10.1061/9780784413111.025	03		Ninth International Conference on Creep, Shrinkage, and Durability Mechanics (CONCREEP-9) Sep 22, 2013 | Cambridge, Massachusetts, United States. ISBN 978-0-7844-1311-1			Trang 219-226	09/2013
4	A homogenization-enriched viscodamage model for cement-based material creep https://doi.org/10.1016/j.engfracmech.2014.04.021	03	X	Engineering Fracture Mechanics ISSN: 0013-7944	SCIE (Q1) IF:2,20 (2014)	16	Tập 126, số 18, trang 54-72	10/2014
5	Micro-scale modeling of resin flow by BEM-Permeability computation https://hal.science/hal-02053410v1/document	05	X	International conference on computational methods in manufacturing processes (ICOMP 2014), Saint-Etienne/France				9/2014
6	A homogenization approach for effective viscoelastic properties of porous media https://doi.org/10.1016/j.mechmat.2016.06.015	04		Mechanics of Materials ISSN: 0167-6636	SCIE (Q1) IF:2,85 (2016)	16	Tập 100, trang 175-185	10/2016
7	Application of Taguchi method for optimization of flexural and compressive strength of sand concrete	04		ACF-2016 - The 7th International Conference of Asian Concrete Federation "Sustainable concrete for now and the future". ISBN: 978-064-82-1994-9			Trang 547-556	11/2016
8	Nghiên cứu một số tính năng của bê tông hạt mịn sử dụng tro bay	03		Hội nghị khoa học cán bộ trẻ lần thứ XIV. ISBN 978-604-82-2300-7			Trang 108-116	11/2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
9	BEM computation of 3D Stokes flow including moving front https://doi.org/10.1007/s12289-016-1302-y	05	X	International Journal of Material Forming ISSN: 1960-6206	SCIE (Q2) IF:1,67 (2017)	08	Tập 10, trang 567-580	8/2017
10	A viscoelastic model for creep of cementitious materials	03	X	Tuyển tập công trình Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ X, Học viện KTQS, Tập 3, Quyển 2, ISBN: 978-604-913-722-8.			Trang 926-934	12/2017
11	Ảnh hưởng của hình dạng lỗ rỗng lên tính chất đàn nhớt của vật liệu bê tông	02		Hội thảo Quốc gia. Hội nghị khoa học toàn quốc Cơ học vật rắn lần thứ XIV, TP. HCM, 2018. ISBN: 978-604-913-832-4.			Trang 526-532	7/2018
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến từ biến của bê tông xi măng bằng phương pháp mô phỏng đa tỷ lệ	03	X	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 12/2018, trang 113-117	12/2018
13	Nghiên cứu chế tạo bê tông cát có sức kháng ion Clo cao trong môi trường biển	03	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN: 1859-2724			Số 68, trang 41-49	2/2019
14	On the effective viscoelastic properties of a fractured rock mass https://doi.org/10.1016/j.jappgeo.2019.06.012	05		Journal of Applied Geophysics ISSN 0926-9851	SCIE (Q2) IF:2,34 (2019)	05	Tập 169, trang 125-133	10/2019
15	Mô phỏng ứng xử chịu uốn thuần túy của kết cấu ống thép nhồi bê tông	03		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 1+2/2020 trang 50-53	1/2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16	Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm trong quá trình nghiền đá xây dựng để chế tạo bê tông rỗng có khả năng thoát nước	05		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 7/2020, trang 30-33	7/2020
17	A robust homogenization method for ageing and non-ageing viscoelastic behavior of early age and hardened cement pastes https://doi.org/10.1016/j.conbuildmat.2020.120264	07	X	Construction and Building Materials ISSN 0950-0618	SCIE (Q1) IF:6,46 (2020)	05	Tập 264, 120264	12/2020
18	A homogenization approach for effective viscoelastic behavior of concrete materials taking account on the effect of inclusion geometry	04	X	The third International Conference on Sustainability in Civil Engineering. ISSN 2366-2557			Trang 31-37	11/2020
19	Analytical solutions for the effective viscoelastic properties of composite materials with different shapes of inclusions https://doi.org/10.2298/TAM200806004T	04	X	Theoretical and Applied Mechanics ISSN 1450-5584	ESCI IF:0,519 (2021)		Tập 48, số 1, trang 89-108	12/2021
20	Properties of fine-grained concrete containing fly ash and bottom ash https://doi.org/10.34910/MCE.107.11	03		Magazine of Civil Engineering ISSN 2712-8172	ESCI (Q1) IF:1,84 (2021)	07	Tập 107, số 7, 10711	2021
21	Poroelastic response of a functionally graded hollow cylinder under an asymmetric loading condition https://doi.org/10.1007/s00419-021-01958-6	06		Archive of Applied Mechanics ISSN 0939-1533	SCIE (Q2) IF:2,66 (2021)	09	Tập 91, số 7, trang 3171-3189	04/2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
22	Một nghiên cứu thực nghiệm bê tông hàm lượng tro bay cao có cường độ cao làm mặt đường ôtô ở việt nam	04		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 3/2021, trang 105-109	3/2021
23	Performances of eco-fine-grained concrete containing saline sand as partial fine aggregate replacement http://dx.doi.org/10.6180/jase.202108_24(4).0009	04		Journal of Applied Science and Engineering ISSN 2708-9967	ESCI (Q2) IF:0,81 (2021)	07	Tập 24, số 4, trang 527-539	03/2021
24	Nghiên cứu bê tông xi măng làm kết cấu móng mặt đường sử dụng cát đỏ bình thuận và tro bay vĩnh tân	04	X	Tạp chí Cầu đường ISSN 1859-459X			Số 4/2021, trang 21-25	4/2021
25	Nghiên cứu thực nghiệm bê tông hạt nhỏ sử dụng cát nhiễm mặn làm mặt đường ôtô ở việt nam	03		Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 8/2021, trang 43-47	8/2021
26	Tính toán từ biến của vật liệu gốc xi măng trong giai đoạn tuổi sớm bằng phương pháp mô phỏng đa cấp độ	02	X	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 12/2021, trang 41-44	12/2021
27	Mechanical Properties of Fine-Grained Concrete Using Fine-Red Sand and Fly Ash for Road Construction: A Case Study in Vietnam https://doi.org/10.1007/978-981-16-9348-9_94	04		International Conference on Rehabilitation and Maintenance in Civil Engineering. Lecture Notes in Civil Engineering (LNCE) - Index Scopus ISBN: 978-981-16-9347-2	Index Scopus/ ISSN: 2366-2557		Tập 225, số 7, trang 1067–1076	2022
28	Applicability of concrete containing the binary and ternary system of binder materials under natural marine environment http://dx.doi.org/10.6180/jase.202210_25(5).0019	05		Journal of Applied Science and Engineering ISSN 2708-9967	ESCI (Q2) IF:1,28 (2021)	03	Tập 25, số 5, trang 881-891	01/2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
29	Nghiên cứu kết hợp xỉ thép và cát nhiễm mặn chế tạo gạch bê tông tự chèn làm mặt đường lát và sân cảng	04	X	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 6/2022, trang 84-88	6/2022
30	Flexural Strength of Partially Concrete-Filled Steel Tubes Subjected to Lateral Loads by Experimental Testing and Finite Element Modelling https://doi.org/10.3390/buildings13010216	03		Buildings ISSN 2075-5309	SCIE (Q2) IF:3,57 (2023)	01	Tập 13, số 1, 216	01/2023
31	Nghiên cứu chế tạo bê tông cốt liệu tái chế sử dụng cốt sợi xơ dừa làm mặt đường https://doi.org/10.47869/tcsj.74.3.2	05	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN: 1859-2724			Số 74, trang 255-267	4/2023
32	Researching on behavior of connection between concrete-filled steel pier and frame bridge	02		Science Journal of Transportation ISSN 2410-9088			Số 14, trang 1-12	5/2023
33	A comparative study between XFEM and phase-field modeling in simulation of fracture behavior	04		The 8th Academic Conference on Natural Science for Young Scientists, Master and PhD Students from ASEAN countries (CASEAN - 8). ISBN: 978- 604- 357- 225-4			Trang 78–85	08/2023
34	Semi-Analytical Results for the Linear Nonaging Viscoelastic Contact Behaviors https://doi.org/10.1142/S1758825123500795	03		International Journal of Applied Mechanics ISSN 1758-8251	SCIE (Q2) IF:3,05 (2023)		Tập 15, số 9, 2350079: 1-21	8/2023
35	An Adaptive Homogenization Scheme for Modeling the Effective Elastic Properties of Early Age Concrete https://doi.org/10.3151/jact.21.777	03		Journal of Advanced Concrete Technology ISSN 1346-8014	SCIE (Q2) IF:1,93 (2023)		Tập 21, số 9, trang 777-788	9/2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
36	Optimized machine-learning methods for predicting the long-term viscoelastic behavior of heterogeneous concrete mixtures https://doi.org/10.1002/suco.202300246	03		Structural Concrete ISSN 1464-4177	SCIE (Q1) IF:3,80 (2023)	04	Tập 24, số 6, trang 7466-7481	12/2023
37	Nghiên cứu đánh giá vòng đời của bê tông nhựa ứng dụng cho công trình đường bộ	03		Tạp chí Cầu đường ISSN 1859-459X			Số 6/2024, trang 38-43	6/2024
38	Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo độ võng dầm BTCT dưới tác động của từ biến dựa trên mô hình học máy	03	X	Tạp chí Giao thông vận tải ISSN 2354-0818			Số tháng 12/2024, trang 54-57	12/2024
39	Parametric study of crack propagation under thermal shock using phase field method https://revue.ummto.dz/index.php/JMES/article/view/3692	05	X	Journal of Materials and Engineering Structures ISSN 2170-127X	ESCI (Q3) IF:0,4 (2024)		Tập 11, số 4, trang 381-390	12/2024
40	Móng mặt đường bằng vật liệu gia cố tro bay - chất kết dính vô cơ trong xây dựng công trình giao thông	03	X	Tạp chí Xây dựng ISSN 2734-9888			Số 04/2025, trang 200-204	04/2025
41	Lớp vật liệu đắp K98 bằng vật liệu gia cố tro bay - xi măng trong xây dựng công trình giao thông	04		Tạp chí Xây dựng ISSN 2734-9888			Số 05/2025, trang 110-112	05/2025
42	Experimental study on the development of concrete for use in coastal structural components https://doi.org/10.54772/jomc.v15i01.906	02	X	Journal of Materials & Construction ISSN 2734-9438			Tập 15, số 1, trang 74-80	05/2025

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
43	Thực nghiệm ứng xử chịu nén bê tông siêu tính năng được kiềm chế nở ngang bằng GRFP https://doi.org/10.47869/tcsj.76.5.9	04	X	Tạp chí Khoa học Giao thông vận tải ISSN: 1859-2724			Số 76, trang 752-763	06/2025
44	Nghiên cứu thực nghiệm về bê tông chịu mặn sử dụng tro bay nhiệt điện kết hợp xỉ lò cao nghiền mịn sử dụng cho công trình biển	02	X	Tạp chí Xây dựng ISSN 2734-9888			Số 06/2025, trang 438-441	06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 05 (năm), thứ tự 04, 09, 17, 19, 39.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo chất lượng cao Quản lý xây dựng Việt - Anh	Tham gia	Quyết định thành lập ban xây dựng chương trình đào tạo số 1333/QĐ-ĐHGTVT ngày 06/07/2021	Trường Đại học Giao thông vận tải	Quyết định ban hành chương trình đào tạo số 453/QĐ-ĐHGTVT ngày 22/03/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Thái Minh Quân